TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2022/HC-PT
Ngày: 11 - 3 - 2022
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh

Ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 494/2021/TLPT-HC ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2021/HC-ST ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2889/2021/QĐPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Bà La Thị T, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 86 N, khu phố X6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hòa T1, sinh năm: 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X6, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

- *Người bị kiện:*

1/Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành U – Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Văn H- Chuyên viên

Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B (có mặt)

2/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn U1 – Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Vũ T2 – Chuyên viên Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/Ông Lê Thành Đ2, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số 88 N, khu phố X6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

2/Ông Lâm Văn T3, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 84 N, khu phố X6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

3/Bà Lâm Thị T4, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 82 N, khu phố X6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T3, bà T4: Ông Lâm Hoàng V1, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: số 84 N, khu phố X6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

4/Bà Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 94 N, khu phố X6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ2: Bà Đặng Thị Thành Đ3, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà La Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện bà La Thị T do ông Võ Hòa T1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thửa đất 134, tờ bản đồ số 30 do bà La Thị T đang đứng tên trong sổ mục kê, quản lý và sử dụng từ trước đến nay nhưng trong Quyết định số 2215/QĐ-UBND của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B ngày 10/6/2019 và Quyết định số 330/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An về việc việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lâm Hoàng V1 (đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn T3 và bà Lâm Thị T4) với ông Lê Thành Đ2 lại công nhận quyền sử dụng đất cho ồng Đ2 mà không đề cập đến bà T là ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà La Thị T. Hơn nữa, bà La Thị T đang tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ồng Đ2 được Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết nhưng Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An công nhận quyền sử dụng đất cho ồng Đ2 là trái quy định

pháp luật. Do đó, bà La Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2215/QĐ-UBND của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B ngày 10/6/2019 và Quyết định số 330/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An về việc việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lâm Hoàng V1 (đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn T3 và bà Lâm Thị T4) với ông Lê Thành Đ2.

Tại văn bản số 9571/UBND-VP ngày 24/12/2020, người bị kiện-Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Quyết định số 2215/QĐ-UBND của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B ngày 10/6/2019 về việc giải quyết khiếu nại giữa ông Lâm Văn T3, Lâm Thị T4 đối với ông Lê Thành Đ2 được ban hành là đúng trình tự, thủ tục quy định.

Tại văn bản số 7815/UBND-NCTCD và số 7993/UBND-NCTCD ngày 31/12/2020 người bị kiện- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông Lâm Văn G sử dụng từ năm 1957, ông G là cha của các ông bà: Lâm Văn T3, Lâm Văn B3, Lâm Thị T4, Lâm Thị B4 và Lâm Thị T5.

Khoảng năm 1963, chế độ cũ sử dụng 01 phần đất của ông G để lập ấp chiến lược dồn dân vào ở, trong đó có bà Trần Thị T7 (bà nội của ông Lê Thành Đ2, bà nội chồng của bà La Thị T) sử dụng diện tích 178m^2. Năm 1973, bà T kết hôn với ông Bùi Thái T8 (cháu nội bà T7) và sống chung nhà bà T7. Sau năm 1975, một số hộ về nơi ở cũ, bà T7 vẫn ở trên phần đất và cất thêm trại mộc và kho chứa gỗ hai bên (căn nhà đang ở); năm 1988, ông Lê Thành H9 (con của bà T7) tham gia cách mạng trở về cùng con là Lê Thành Đ2 sửa chuồng heo cất nhà để ở. Vị trí đất gia đình bà T7 sử dụng nay là thửa 86, đo đạc thực tế 548m^2, loại đất ODT, tờ bản đồ số 30, tọa lạc thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. ồng Đ2 và bà T sử dụng thực tế như sau:

-Ông Lê Thành Đ2 sử dụng phần đất gắn với căn nhà của bà Trần Thị T7 diện tích 178m^2 thuộc 01 phần thửa 86 (nay là thửa 134) loại đất ODT, tờ bản đồ số 30.

-Bà La Thị T sử dụng diện tích 370m^2, gồm: đất trại mộc diện tích 121m^2 (nay là thửa số 135) và đất nhà bà La Thị T diện tích 249m^2 (nay là thửa số 86).

Năm 1995, bà Lâm Thị B4 là con ông Lâm Văn G tranh chấp với con, cháu bà T7 để đòi lại đất. Việc tranh chấp được Uỷ ban nhân dân huyện B và Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An giải quyết kéo dài từ năm 1996 đến năm 2014 bằng nhiều quyết định của Uỷ ban nhân dân huyện B và Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An được ban hành để giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất. Nhưng đến năm 2014 thì Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 16/3/2011 và Quyết định số 3448/1998/QĐ.UB ngày 21/11/1998 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An đã giải quyết trước đó lý do giải quyết khiếu nại không đúng đối tượng và Uỷ ban nhân dân huyện B cũng ban hành Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 nội dung thu hồi, hủy bỏ Quyết định số

438/QĐ.UB ngày 14/7/1996 của Uỷ ban nhân dân huyện B với lý do giải quyết khiếu nại không đúng đối tượng. Từ đó, việc tranh chấp quyền sử dụng đất các thửa đất trên được Uỷ ban nhân dân các cấp tiến hành giải quyết lại. Vì vậy, các quyết định giải quyết lại gồm Quyết định số 2215/QĐ-UBND và Quyết định số 2216/QĐ-UBND của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B cùng ngày 10/6/2019 giải quyết lại tranh chấp và xác định lại cho đúng đối tượng chứ không phải xem xét chấp nhận cho chủ cũ đòi lại đất. Do đó, cácQuyết định số 2215/QĐ-UBND và Quyết định số 2216/QĐ-UBND của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B ban hành cùng ngày 10/6/2019 nội dung bác đơn khiếu nại của người khiếu nại là ông Lâm Hoàng V1 (đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn T3 và bà Lâm Thị T4). Các quyết định giải quyết tranh chấp đều trên cơ sở xác minh và truy nguyên nguồn gốc và quá trình sử dụng đất nên việc bà La Thị T khởi kiện cho rằng Quyết định 2215/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B giải quyết không đúng pháp luật là không có căn cứ. Trên cơ sở hồ sơ xác minh qua quá trình giải quyết về đường lối giải quyết là đúng quy định pháp luật của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B nên Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 03/2/2020 giữ nguyên Quyết định 2215/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ Lâm Thị T4 và Lâm Văn T3 (có yêu cầu độc lập) do ông Lâm Hoàng V1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Lâm Văn G là cha của ông Lâm Văn T3 và bà Lâm Thị T4. Năm 1962, do bà Nguyễn Thị Tài khó khăn chỗ ở nên ông G cho bà T7 ở nhờ đến hết chiến tranh và bà T7 cất nhà lá trên thửa 86 (sau này nhà nước tách thành các thửa 134, 135 và 86). Năm 1975, ông G đòi đất thì bà T7 xin ở đến hết đời, nên ông G đồng ý. Sau khi ông G chết thì ông T3, bà T4 đăng ký và đứng tên sổ bộ và nộp thuế cho nhà nước từ 1993 đến năm 2005. Năm 1995, bà T7 chết thì căn nhà ở nhờ bỏ hoang không ai sử dụng. Năm 2000, ông Lê Thành Đ2 là cháu nội bà T7 về ở nhà của bà T7. Năm 2001, cháu dâu bà T7 là bà La Thị T về cất nhà trọ cho thuê cạnh phía hông nhà bà T7. Việc tranh chấp từ người trong gia đình của ông T3, bà T4 và bà Lâm Thị B4 được giải quyết kéo dài và khi bà Báo mất thì ông T3, bà T4 tiếp tục khiếu nại. Từ đó, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An đã giải quyết định và cuối cùng là các quyết định gồm: Quyết định số 2215/QĐ-UBND và Quyết định số 2216/QĐ-UBND của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B cùng ngày 10/6/2019 về việc việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Quyết định số 329/QĐ-UBND và Quyết định số 330/QĐ-UBND do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An cùng ngày 03/02/2020 ban hành về việc giải quyết khiếu nại giữa ông Lâm Văn T3, Lâm Thị T4 đối với ông Lê Thành Đ2 và bà La Thị T. Do không đồng ý nên ông Lâm Văn T3 và bà Lâm Thị T4 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này yêu cầu hủy Quyết định số 2215/QĐ-UBND và Quyết định số 2216/QĐ-UBND của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B cùng ngày 10/6/2019 về việc việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Quyết định số

329/QĐ-UBND và Quyết định số 330/QĐ-UBND do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An cùng ngày 03/02/2020 ban hành về việc giải quyết khiếu nại giữa ông Lâm Văn T3, Lâm Thị T4 đối với ông Lê Thành Đ2 và bà La Thị T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ - Lê Thành Đ2 trình bày:

Ông Lê Thành Đ2 là cháu nội của bà Trần Thị T7, bà La Thị T là cháu nội dâu. Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Đ2, bà T như Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An xác định là đúng. Các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B và Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An giải quyết là đúng quy định pháp luật. ông Đ2 và bà T đều là cháu bà T7 nên được công nhận mỗi người một phần tương ứng diện tích sử dụng thực tế là đúng quy định pháp luật. Trước đây khi ông Đ2 được các quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Đ2 đã chuyển nhượng đất cho bà Nguyễn Thị Đ2 nhưng thủ tục chưa xong. Bởi vì, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B ban hành quyết định hủy bỏ các quyết định giải quyết tranh chấp để giải quyết lại và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ2. Do đó, ông Đ2 đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, ông T3 và bà T4 để ông Đ2 thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Đ2.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ- Nguyễn Thị Đ2 trình bày:

Ngày 01/9/2012, bà Nguyễn Thị Đ2 và ông Lê Thành Đ2 có xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 134, diện tích 178m^2 với giá 1 tỷ đồng và đã thanh toán xong tại Văn phòng Công chứng B. Do lúc này ông Lê Thành Đ2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà T nộp hồ sơ và được chỉnh lý biến động trên giấy ông Đ2 sang tên bà Nguyễn Thị Đ2. Tuy nhiên, do quá trình tranh chấp đất đai giữa các bên đến năm 2014 mới bị hủy và giải quyết lại nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ2 bị hủy bỏ và việc giải quyết tranh chấp lại kéo dài đến nay. Do đó, bà Đ2 đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, ông T3, bà T4 để bà Đ2 được thực hiện quyền kê khai đăng ký lại cho đã nhận chuyển nhượng đất hợp pháp từ ông Đ2.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2021/HC-ST ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà La Thị T, ông Lâm Văn T3 và bà Lâm Thị T4về việc khởi kiện quyết địnhhành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An.

Quyết định số 2215/QĐ-UBND của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B ngày 10/6/2019 về việc việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lâm Hoàng V1 (đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn T3 và bà Lâm Thị T4) với ông Lê Thành Đ2 là đúng quy định pháp luật.

Quyết định số 2216/QĐ-UBND của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B ngày 10/6/2019 về việc việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lâm Hoàng

V1 (đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn T3 và bà Lâm Thị T4) với bà La Thị T là đúng quy định pháp luật.

Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 03/02/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An về việc việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lâm Hoàng V1 (đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn T3 và bà Lâm Thị T4) với bà La Thị T là đúng quy định pháp luật.

Quyết định số 330/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An về việc việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lâm Hoàng V1 (đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn T3 và bà Lâm Thị T4) với ông Lê Thành Đ2 là đúng quy định pháp luật.

Các quyết định hành chính liên quan gồm: Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 16/3/2011 và Quyết định số 3448/1998/QĐ.UB ngày 21/11/1998 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An và Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B nội dung thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 438/QĐ.UB ngày 14/7/1996 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B với lý do giải quyết khiếu nại không đúng đối tượng được ban hành đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/3/2021 người khởi kiện bà La Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy các Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B, Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 03/02/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Ông Lâm Hoàng V1 (Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn T3, bà Lâm Thị T4) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành Đ2 không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận, đương sự và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho đương sự giữ nguyên ý kiến trình bày như tại cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án, bà T vừa khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt, vừa khởi kiện vụ án hành chính đối với các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai. Lẽ ra, trong quá trình thụ lý thì Tòa án cấp sơ thẩm phải nhập 02 vụ này để giải quyết theo quy định. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tách thành 02 vụ án riêng biệt, hiện nay vụ án dân sự đang tạm đình chỉ để chờ kết quả giải quyết vụ án hành chính. Mặc dù, việc Tòa án cấp sơ thẩm tách thành 02 vụ án là không phù hợp quy định, nhưng không ảnh hưởng đến bản chất nội dung vụ việc. Bà T có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Hồ sơ vụ án thể hiện: Phần đất tranh chấp tại thửa 134 tờ bản đồ số 30 có nguồn gốc của ông Lâm Văn G sử dụng từ năm 1957. Ông G có các người con gồm các ông bà: Lâm Văn T3, Lâm Văn B3, Lâm Thị T4, Lâm Thị B4 và Lâm Thị T5. Khoảng năm 1963, chế độ cũ sử dụng 01 phần đất của ông G để lập ấp chiến lược dồn dân vào ở, trong đó có bà Trần Thị T7 (bà nội của ông Lê Thành Đ2, bà nội chồng của bà La Thị T) sử dụng diện tích 178m^2. Năm 1973, bà T kết hôn với ông Bùi Thái T8 (cháu nội bà T7) và sống chung nhà bà T7. Sau năm 1975, một số hộ về nơi ở cũ, bà T7 vẫn ở trên phần đất và cất thêm trại mộc và kho chứa gỗ hai bên (căn nhà đang ở); năm 1988, ông Lê Thành H9 (con của bà T7) tham gia cách mạng trở về cùng con là Lê Thành Đ2 sửa chuồng heo cất nhà để ở. Vị trí đất gia đình bà T7 sử dụng nay là thửa 86, đo đạc thực tế 548m^2, loại đất ODT, tờ bản đồ số 30, tọa lạc thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. ồng Đ2 và bà T sử dụng thực tế như sau:

-Ông Lê Thành Đ2 sử dụng phần đất gắn với căn nhà của bà Trần Thị T7 diện tích 178m^2 thuộc 01 phần thửa 86 (nay là thửa 134) loại đất ODT, tờ bản đồ số 30.

-Bà La Thị T sử dụng diện tích 370m^2, gồm: đất trại mộc diện tích 121m^2 (nay là thửa số 135) và đất nhà bà La Thị T diện tích 249m^2 (nay là thửa số 86).

[2] Quá trình giải quyết tranh chấp của các bên như sau:

*Giải quyết tranh chấp tại Uỷ ban nhân dân:

- Năm 1995, bà Lâm Thị B4 (con ông Lâm Văn G) tranh chấp với con cháu bà T7 (ồng Đ2, bà T). Ngày 14/7/1996 Uỷ ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định 438/QĐ.UB về việc giải quyết khiếu nại xin lại đất thổ cư của bà Lâm Thị B4. Ngày 21/11/1998 Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định 3448/1998/QĐ.UB có nội dung hủy bỏ Quyết định 438/QĐ.UB, giữ nguyên quyền sử dụng đất cho con cháu bà Trần Thị T7. Ngày 16/3/2011 Uỷ

ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định 758/QĐ-UBND bổ sung Điều 1 Quyết định số 3448/1998/QĐ.UB.

Ngày 06/8/2012 Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 2458/QĐ-UBND có nội dung thu hồi Quyết định 758/QĐ-UBND và điều chỉ Điều 1 Quyết định 3448/1998/QĐ.UB. Năm 2014 Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An ban hành quyết định thu hồi, hủy bỏ các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trước đó. Cụ thể:

+ Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 thu hồi, hủy bỏ Quyết định 2458/QĐ-UBND ngày 06/8/2012.

+Quyết định 3012/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 thu hồi, hủy bỏ Quyết định 758/QĐ-UBND và 3448/1998/QĐ.UB

+Quyết định 3724/QĐ-UB thu hồi, hủy bỏ Quyết định 438/UB.QĐ.

- Ngày 25/12/2014 Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An ban hành thông báo 254/TB-UB và thông báo 255/TB-UB về việc thụ lý khiếu nại lần đầu tranh chấp đất đai giữa ông Lâm Văn T3 với ông Lê Thành Đ2, bà La Thị T. Ngày 10/6/2019 Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B có quyết định 2216/QĐ-UBND và 2215/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Lâm Văn T3, bà Lâm Thị T4 với ông Lê Thành Đ2, bà La Thị T. Trong đó, quyết định 2215/QĐ-UBND có nội dung "*Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Thành Đ2 đối với thửa 134, tờ bản đồ số 30 diện tích 178m^2, đất tọa lạc tại thị trấn B*". Ngày 03/02/2020 Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An ban hành quyết định 329/QĐ-UBND, 330/QĐ-UBND giữ nguyên các quyết định 2215/QĐ-UBND, 2216/QĐ-UBND của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B.

*Giải quyết tranh chấp tại Tòa án:

- Ngày 18/7/2011 Uỷ ban nhân dân huyện B có quyết định số 3983/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Thành Đ2 đối với thửa 134. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ồng Đ2 đã chuyển nhượng phần đất trên cho bà Nguyễn Thị Đ2, được chỉnh lý sang tên chủ sử dụng đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/12/2012. Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2013/HC-ST ngày 18/7/2013 Tòa án nhân dân huyện B (bản án có hiệu lực pháp luật) đã tuyên hủy bỏ quyết định 3983/QĐ-UBND, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ồng Đ2, hủy việc chỉnh lý sang tên bà Đ2.

- Ngày 12/7/2017 Tòa án nhân dân huyện B tỉnh Long An thụ lý vụ án dân sự về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt giữ nguyên đơn bà La Thị T, bị đơn ông Lê Thành Đ2. Đối tượng tranh chấp trong vụ án là quyền sử dụng phần đất tại thửa 134, tờ bản đồ số 30 tại thị trấn B, Quyết định 2215/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B và quyết định 330/QĐ-UBND ngày 03/02/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An (cũng chính là các quyết định hành chính bị kiện trong vụ án này). Tuy vậy, ngày 28/9/2020 bà T lại xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nên Tòa án nhân dân huyện B đã đình chỉ

giải quyết đối yêu cầu khởi kiện của bà T, chỉ xem xét giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ2 (người nhận chuyển nhượng thửa 134 từ ông Lê Thành Đ2) tại bản án số 58/2020/DS-ST ngày 29/9/2020. Sau khi Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm theo bản án số 58/2020/DS-ST ngày 29/9/2020, đương sự có kháng cáo. Sau khi thụ lý hồ sơ vụ án để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Long An có quyết định số 07/2020/QĐPT-DS ngày 21/12/2020 tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự do chờ kết quả giải quyết vụ án hành chính.

- Ngày 15/9/2020 bà T có đơn khởi kiện vụ án hành chính, đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 và hủy Quyết định 330/QĐ-UBND ngày 03/02/2020. Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án, ngày 06/11/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn T3, bà Lâm Thị T4 có đơn yêu cầu độc lập trong vụ án hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã thụ lý vụ án vào ngày 07/10/2020 và 13/11/2020.

[3] Nhận định của Tòa án cấp phúc thẩm:

[3.1] Căn cứ vào quy định tại Điều 123, 125 Luật tố tụng hành chính thì việc Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý đơn khởi kiện vụ án hành chính của bà T đối với quyết định 2215/QĐ-UBND và 330/QĐ-UBND là không đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ:

- Sau khi Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tại bản án số 58/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 thì đương sự có kháng cáo. Hồ sơ vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý phúc thẩm và đang tạm đình chỉ giải quyết theo quyết định số 07/2020/QĐPT-DS ngày 21/12/2020, nên bản án sơ thẩm số 58/2020/DS-ST chưa có hiệu lực pháp luật. Do đó, việc bà T tiếp tục khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định 2215/QĐ-UBND và 330/QĐ-UBND, trong khi đang có yêu cầu giải quyết 02 quyết định này trong vụ án khác (Tòa án chưa giải quyết xong) là không đúng quy định pháp luật. Đúng ra, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 123 Luật tố tụng hành chính trả lời đơn khởi kiện của bà T, vì bà T đang có yêu cầu giải quyết đối với quyết định hành chính bị kiện trong vụ án khác.

Mặt khác, nếu Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện vụ án hành chính, sau đó mới biết sự việc tại bản án số 58/2020/DS-ST thì trong trường hợp này phải hướng dẫn đương sự rút đơn khởi kiện vụ án hành chính để tiếp tục giải quyết vụ án dân sự. Trường hợp đương sự rút đơn khởi kiện vụ án hành chính, thì Tòa án căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 143 của Luật tố tụng hành chính để đình chỉ giải quyết vụ án hành chính và giải quyết vụ án dân sự. Trường hợp đương sự không rút đơn khởi kiện thì Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 141 của Luật tố tụng hành chính tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết vụ án dân sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án hành chính, trong khi vụ án dân sự chưa được giải quyết là không đúng.

- Đặt giả thuyết cho rằng do bà T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định 2215/QĐ-UBND và 330/QĐ-UBND trong vụ án dân sự, đã được Tòa án

đình chỉ giải quyết, nên nội dung kháng cáo không liên quan, ảnh hưởng đến 02 quyết định hành chính. Những phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Xét, theo lập luận trên thì phần nội dung của bản án số 58/2020/DS-ST liên quan đến quyết định 2215/QĐ-UBND và 330/QĐ-UBND đã có hiệu lực pháp luật. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 123 Luật tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện vụ án hành chính của bà T đã được giải quyết bằng bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý đơn khởi kiện của bà T cũng không đúng.

[3.2] Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị T4 và ông Lâm Văn T3:

Quyết định 2215/QĐ-UBND và 330/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông T3, bà T4 với ông Đ2. Quyết định 2216/QĐ-UBND và 329/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông T3, bà T4 với bà T. Vụ án dân sự về việc tranh chấp quyền sử dụng đất mà Tòa án nhân dân tỉnh Long An đang thụ lý phúc thẩm là tranh chấp giữa bà T và ông Đ2. Mặc dù, trong các tranh chấp trên có trùng nhau đối tượng tranh chấp thửa 134, tờ bản đồ số 30, nhưng yêu cầu tranh chấp của ông T3, bà T4 với ông Đ2, bà T (giải quyết tại Uỷ ban nhân dân) là độc lập với tranh chấp giữa ông Đ2 với bà T (giải quyết tại Tòa án). Do đó, bà T4, ông T3 có quyền khởi kiện yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét các quyết định 2215/QĐ-UBND, 2216/QĐ-UBND, 329/QĐ-UBND, 330/QĐ-UBND (ông T3, bà T4 là đối tượng áp dụng của các quyết định trên). Tuy nhiên, như đã nhận định ở mục [3.1], do Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu khởi kiện vụ án hành chính của bà T không đúng, nên dẫn đến việc thụ lý yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong cùng vụ án cũng không đúng. Đúng ra, quyền lợi của ông T3, bà T4 phải được xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khi bà T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy các quyết định số 2215/QĐ-UBND và 2216/QĐ-UBND.

Mặt khác, hồ sơ vụ án thể hiện ông T3, bà T4 biết được các quyết định hành chính trên vào 17/3/2020 (BL 110). Tính đến ngày ông T3, bà T4 có đơn yêu cầu độc lập (ngày 06/11/2020) thì thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính còn lại đối với 02 quyết định này là 04 tháng 11 ngày (thời hiệu kết thúc là 17/3/2021). Xét, ông T3, bà T4 có yêu cầu đề nghị xem xét đối với các quyết định 2215/QĐ-UBND, 2216/QĐ-UBND, 329/QĐ-UBND và 330/QĐ-UBND là trong thời hiệu khởi kiện. Yêu cầu độc lập của ông T3, bà T4 trong vụ án hành chính thụ lý theo yêu cầu khởi kiện của bà T được xác định không đúng quy định pháp luật, không phải là do lỗi chủ quan của ông T3, bà T4. Do vậy, thời gian từ khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án (theo đơn khởi kiện bà T) đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật được xác định là sự kiện làm gián đoạn thời hiệu khởi kiện của ông T3, bà T4. Căn cứ vào khoản 5 Điều 116 Luật tố tụng hành chính, Điều 153 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời gian còn lại (04 tháng 11 ngày) trong thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính của ông T3, bà T4 đối với các quyết định trên sẽ được tính từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết xong vụ án hành chính theo đơn khởi kiện của bà T.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý đơn khởi kiện vụ án hành chính của bà T không đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Đối với đơn yêu cầu độc lập của ông T3, bà T4, như nhận định ở mục [3.2] thì việc giải quyết yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là không đúng quy định pháp luật. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm dành quyền khởi kiện cho ông T3, bà T4 bằng vụ án khác khi có yêu cầu đối với các quyết định hành chính mà đương sự đã có yêu cầu độc lập, và thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính còn lại (04 tháng 11 ngày) được tính từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

[5] Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do không đúng về tố tụng, nên không xem xét nội dung đơn kháng cáo của bà La Thị T.

[6] Bà La Thị T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 241, khoản 5 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 153 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 19/2021/HC-ST ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 494/2021/TLPT-HC ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", giữa:

- Người khởi kiện: Bà La Thị T, sinh năm 1949

- Người bị kiện: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thành Đ2, sinh năm 1972; Ông Lâm Văn T3, sinh năm 1954; Bà Lâm Thị T4, sinh năm 1952; Bà Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1964.

2. Ông Lâm Văn T3, bà Lâm Thị T4 có quyền khởi kiện vụ án hành chính đối với các Quyết định 2215/QĐ-UBND, 2216/QĐ-UBND cùng ngày 10/6/2019 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B; Quyết định 329/QĐ-UBND, 330/QĐ-UBND cùng ngày 03/02/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An. Thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính còn lại (04 tháng 11 ngày) được tính từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật (11/3/2022).

3. Bà La Thị T và ông Lâm Văn T3 và bà Lâm Thị T4 được miễn án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lâm Văn T3, bà Lâm Thị T4 mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008688, 0008689 cùng ngày 13/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Bà La Thị T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- NKK (1);
- NBK (2);
-NLQ (4);
- Lưu (10) 22b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên